

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2021/HSST
Ngày: 20/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vĩ

2. Ông Dương Văn Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tạ Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Minh Th**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Số nhà 94, Khối 2, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Quang Ngh và bà Đặng Thị T; Vợ: Phạm Thị H; Con: 03 con, lớn nhất sinh 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Ông Đức Minh T, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Tân Tr, xã Phú C, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn Tiền Ph, xã Tây S, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Phạm Thị H - sinh năm 1983

Trú tại: Số nhà 94, Khối 2, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đức Minh T, sinh 1974, trú tại thôn Tân Tr, xã Phú C, huyện Sóc Sơn, Hà Nội có quan hệ quen biết với Trịnh Minh Th và biết Th đang làm lái xe trong Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài nên ông T có nhờ Th xin việc cho anh Nguyễn Mạnh D (con trai bà Vũ Thị Th, sinh 1976, trú tại thôn Tiền Ph, xã Tây S, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) vào làm tại bộ phận cung ứng Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài. Mặc dù biết mình không có chức năng, vai trò tuyển dụng xin việc và biết rõ Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài không có đợt tuyển dụng nhân viên nhưng vì cần tiền nên Th đồng ý. Sau khi Th nhận lời xin việc thì ông T thông báo cho bà Th biết và bảo chuyển 240.000.000 đồng vào tài khoản của ông T cùng bộ hồ sơ xin việc của anh D.

Ngày 17/4/2019, ông T, bà Th và Th gặp nhau tại quán cà phê ở số nhà 33, địa phận Khối 2, xã Phù L, huyện Sóc Sơn. Tại đây, bà Th giao cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc của anh D, ngay sau đó ông T chuyển bộ hồ sơ cho Th. Ngày 22/4/2019, gia đình bà Th chuyển 240.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Nguyễn Xuân T (chồng bà Th) vào tài khoản của ông T. Sau đó, ông T chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của Th và giữ lại 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì Th không thực hiện bất cứ hoạt động nào để xin việc cho anh D và sử dụng số tiền đã nhận vào việc tiêu xài cá nhân hết. Biết bị Th lừa nên ngày 09/7/2020, ông T đã làm đơn trình báo Công an huyện Sóc Sơn.

Về vấn đề bồi thường dân sự: Ngày 18/8/2020, chị Phạm Thị H (vợ Th) đã trả lại cho ông T 150.000.000 đồng. Ngày 23/8/2020, ông T đã bù thêm và trả đủ cho bà Th 240.000.000 đồng. Các bên đã thống nhất xác định đã giải quyết xong về vấn đề bồi thường dân sự, không có đề nghị gì khác.

Đối với số tiền thỏa thuận xin việc cho anh D: Quá trình điều tra, ông T khai sau khi Th nhận lời xin việc cho anh D thì Th thông báo chi phí xin việc hết 240.000.000 đồng nên ông T đã thông báo cho bà Th và bà Th đã chuyển đủ 240.000.000 đồng cho ông T, sau đó ông chuyển 200.000.000 đồng cho Th, giữ lại 40.000.000 đồng để sau khi xong việc sẽ chuyển nốt 40.000.000 đồng cho Th. Tuy nhiên, quá trình điều tra Th chỉ thừa nhận thông báo với ông T về việc xin việc hết 200.000.000 đồng và thực tế Th chỉ nhận 200.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho ông T và Th đối chất nhưng không làm rõ được. Ngoài lời khai của ông T thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên không đủ cơ sở để xác định trách nhiệm của Th đối với số tiền 240.000.000 đồng.

Đối với ông Đức Minh T: Việc bà Th chuyển 240.000.000 đồng cho ông và sau đó ông T chỉ chuyển 200.000.000 đồng cho Th là có thật. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định việc ông T giữ lại 40.000.000 đồng được sự đồng ý của bà Th. Ngoài ra, ông T là người đã bỏ ra 50.000.000 đồng để bù vào số tiền Th trả thiếu để trả đủ cho bà Th 240.000.000 đồng. Quá trình điều tra không có cơ sở

xác định ông T được Th bàn bạc, thống nhất hay thỏa thuận chia lợi nhuận khi xin việc cho anh D nên không đủ căn cứ xác định ông T có vai trò đồng phạm giúp sức cho Th trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Th.

Bản cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 07/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Trịnh Minh Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại là ông Đức Minh T trong quá trình điều tra có lời khai: Ông và bị cáo quen biết nhau từ năm 2008 do bị cáo từng làm cùng với em trai của ông là Đức Minh D tại Công ty Jetstar Pacific tại Sân bay Quốc Tế Nội Bài, sau này Th chuyển công ty không còn làm cùng em trai ông nữa nhưng anh em vẫn giữ mối quan hệ với nhau. Do bà Th là chỗ bạn bè quen biết với ông có con trai là Nguyễn Mạnh D chưa có công ăn việc làm, có nhu cầu xin việc nên ông đã hỏi bị cáo xem Công ty nơi bị cáo làm việc có tuyển nhân viên không thì bị cáo bảo sẽ hỏi rồi trả lời sau. Sau đó bị cáo có bảo là khoảng tháng 6, 7/2019 sẽ có đợt tuyển dụng nên bảo nếu có nhu cầu thì nộp hồ sơ và chi phí xin việc hết 240.000.000 đồng. Ông có nói lại với bà Th thì bà Th đồng ý nhờ xin cho anh D. Gia đình bà Th đã chuyển khoản cho ông số tiền 240.000.000 đồng vào ngày 22/4/2019 và ông đã chuyển khoản cho Th số tiền 200.000.000 đồng và giữ lại 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào xong việc sẽ tính sau. Th có thỏa thuận là nếu xin được việc cho anh D sẽ cho ông 10.000.000 đồng hoa hồng còn nếu không xin được thì sẽ trả lại toàn bộ số tiền. Sau đó qua tháng 7/2019 Th không xin được việc cho anh D, ông đã nhiều lần gọi điện hỏi thì Th bảo đang chờ Công ty xét duyệt. Sau đó một thời gian thì ông được biết Th không còn làm ở Công ty đó nữa, ông đã nhiều lần gọi điện nhưng Th không nghe máy, ông đã đến gặp Th thì Th khát sẽ thu xếp trả nhưng không thấy trả, những lần sau đó ông đến nhà nhưng đều không gặp được Th nên đã báo Công an đề nghị giải quyết.

Sau khi không xin được việc cho anh D thì bà Th có đòi tiền ông, bản thân ông đã xác định mình nhận tiền từ bà Th thì mình cần chịu trách nhiệm nên cuối năm 2019 ông đã trả cho bà Th 80.000.000 đồng và ngày 23/8/2020 ông đã trả bà Th nốt số tiền 160.000.000 đồng trong đó có 150.000.000 đồng do chị Phạm Thị H là vợ của bị cáo đưa cho ông ngày 18/8/2020. Đối với số tiền 200.000.000 đồng ông đưa cho Th, đã được vợ của Th đưa trả 150.000.000 đồng còn thiếu 50.000.000 đồng, ông tự nguyện bù thêm vào chịu thiệt, không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền này. Bản thân ông nhờ Th xin việc cho anh D hoàn toàn vì tình cảm, tin rằng Th có khả năng xin việc vì Th nói đã xin cho vài người rồi chứ ông không biết rằng Th không có khả năng xin việc, ông không bàn bạc hay thỏa thuận gì với Th, cũng không có mục đích chiếm đoạt tiền của bà Th.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th trong quá trình điều tra có lời khai: Bà và ông T có quan hệ là bạn bè quen biết. Năm 2019, bà có

nờ ông T hỏi để xin việc cho con trai là anh D. Ông T sau đó có thông tin cho bà là có thể nhờ người xin cho anh D vào làm tại bộ phận cung ứng Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài với chi phí 240.000.000 đồng. Ngày 17/4/2019, bà, ông T và Th gặp nhau tại quán cà phê ở xã Phù L, huyện Sóc Sơn. Tại đây, bà giao cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc của anh D, ngay sau đó ông T chuyển cho Th. Ngày 22/4/2019, gia đình bà chuyển 240.000.000 đồng từ tài khoản mang tên Nguyễn Xuân T (chồng bà) vào tài khoản của ông T. Sau đó, do quá thời hạn thỏa thuận vẫn không thấy Công ty gọi anh D đi tuyển dụng hay đi làm nên gia đình đã gọi điện đòi tiền ông T. Cuối năm 2019 ông T đã trả bà 80.000.000 đồng, ngày 23/8/2020, ông T đã trả nốt 160.000.000 đồng, bà đã nhận đủ tổng số tiền 240.000.000 đồng, nay bà không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Chị Phạm Thị H trình bày: Chị là vợ của Trịnh Minh Th, năm 2019 Th có chuyển khoản 148.000.000 đồng vào tài khoản của chị nhưng chị không hề biết đó là tiền Th nhận từ ông T để xin việc cho anh D vì tại thời điểm đó vợ chồng chị đang kinh doanh tự do nên tiền đổ vào tài khoản là việc bình thường. Và cũng do lâu rồi nên chị không nhớ sử dụng số tiền đó vào việc gì. Sau này có thấy ông T đến tìm Th nhưng Th đã đi Sài Gòn làm ăn không có nhà nên ông T đi về chứ chị cũng không biết về việc gì. Sau khi được Công an huyện Sóc Sơn hỏi về công việc và chỗ ở của Th thì chị mới biết nội dung vụ việc. Để khắc phục hậu quả thay cho Th, ngày 18/8/2020 chị đã đưa cho ông T số tiền 150.000.000 đồng để trả cho bà Th, còn lại 50.000.000 đồng thì do điều kiện khó khăn chị đã đứng ra xin ông T nên ông T đồng ý tự bù tiền ra để trả cho bà Th không đòi Th phải trả nữa. Đối với số tiền 150.000.000 đồng chị đưa cho ông T là chị tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho Th, chị không yêu cầu xem xét, giải quyết về số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Trịnh Minh Th mức án từ 42 đến 48 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Về phần dân sự: các bên đều xác định đã giải quyết xong, không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc và thu thập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về thẩm quyền: Hành vi phạm tội xảy ra trên địa bàn huyện Sóc Sơn, vì vậy Cơ quan điều tra, công an huyện Sóc Sơn khởi tố, điều tra là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trịnh Minh Th không có chức năng tuyển dụng, xin việc vào làm tại Công ty Cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài nhưng đã có hành vi gian dối, hứa hẹn và nhận tiền từ ông Đức Minh T xin việc cho anh Nguyễn Mạnh D (con trai bà Vũ Thị Th) vào làm việc tại Công ty CP suất ăn hàng không Nội Bài.

Mặc dù ông T xác định là Th thông báo chi phí xin việc hết 240.000.000 đồng, tuy nhiên Th chỉ thừa nhận thông báo với ông T xin việc hết 200.000.000 đồng và thực tế Th chỉ nhận 200.000.000 đồng. Ngoài lời khai của ông T thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên không đủ cơ sở để xác định trách nhiệm của Th đối với số tiền 240.000.000 đồng mà chỉ xác định Th có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 200.000.000 đồng.

Bản thân Th không có khả năng xin việc, Công ty không có thông báo về việc tuyển dụng và Th cũng không làm ở vị trí có quyền tuyển dụng nhưng để lấy lòng tin của ông T, bị cáo vẫn đưa ra những thông tin sai sự thật để ông T đưa cho mình 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Th không sử dụng tiền vào mục đích xin việc mà chi tiêu cá nhân dẫn đến không còn khả năng trả lại tiền cho ông T, hồ sơ xin việc của anh D bị cáo cũng không gửi cho ai mà vứt đi. Quá thời hạn hứa hẹn, ông T gọi hỏi thì bị cáo vẫn nói dối ông T là đang chờ Công ty xét duyệt nhưng thực tế Công ty không có kế hoạch tuyển dụng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự. Số tiền mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 200.000.000 đồng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo từng tham gia quân ngũ 01 năm 11 tháng tại Sư Đoàn 361, Trung đoàn 280 Quân đội nhân dân Việt Nam và xuất ngũ ngày 02/02/2001; bố bị cáo là ông Trịnh Quang Ngh được tặng nhiều bằng khen, huân chương, huy chương trong kháng chiến, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác chiếm đoạt số tiền lớn để chi tiêu cá nhân thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với người phạm tội. Xét bị cáo bị Công ty sa thải từ tháng 9/2019, từ đó đến nay làm lao động tự do, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bên thống nhất xác định đã giải quyết xong và không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Trịnh Minh Th 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đức Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Bà Vũ Thị Th có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Nguyệt